

MM

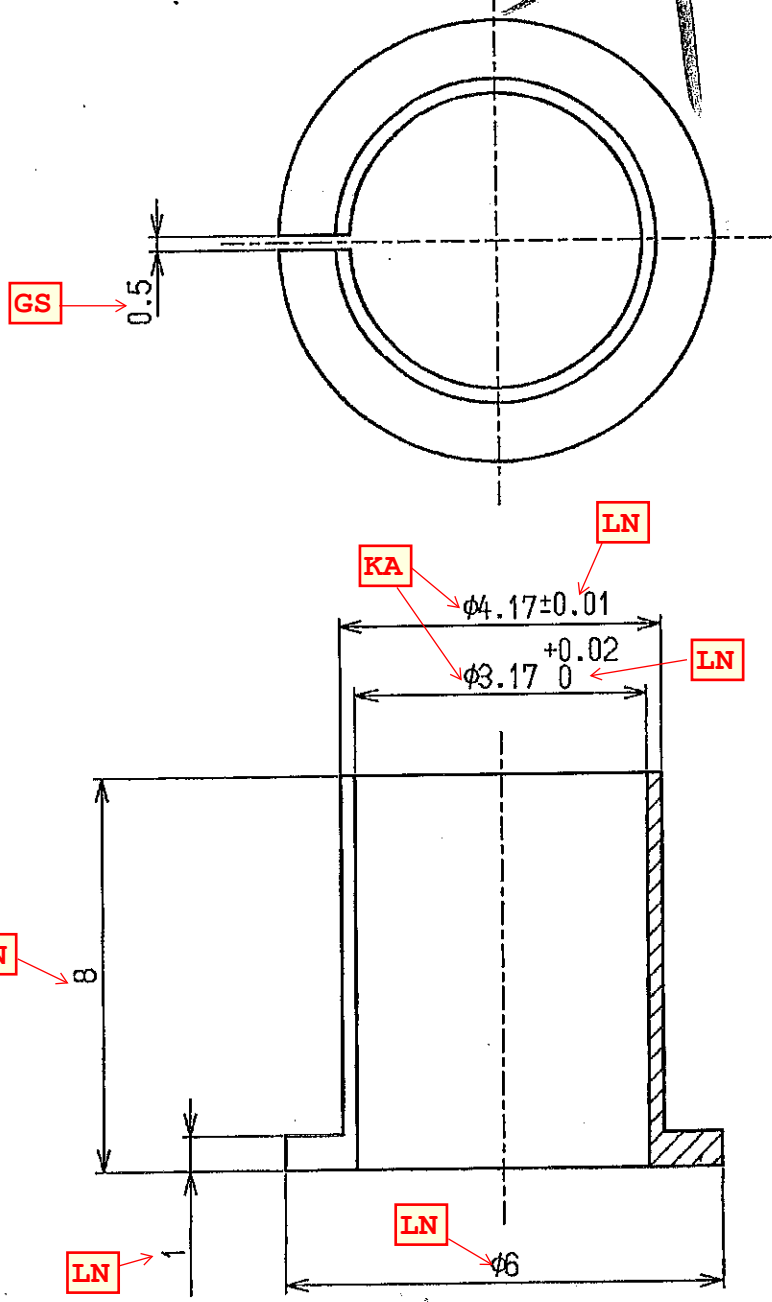
v.2

| 訂正Rev | 日付 | 記事 | 担当 | 削り加工普通寸法公差 | |
|-------|----|----|----|------------|------|
| | | | | 0.5以上6以下 | ±0.1 |
| | | | | 6より30 | ±0.2 |
| | | | | 30~120 | ±0.3 |
| | | | | 120~315 | ±0.5 |

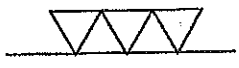
(注記) この部品は 1-006-AA に組み付ける。

公差表示がある場合は、
それを優先する。

Đặt hàng tối thiểu 50 pcs
Trường hợp ít hơn hãy liên lạc phòng ban đặt hàng



MMK 原紙
99.7.19
MMK設備図面管理



新図面番號 S310903

工程
307
90

| 部品名 | | 材質 | 数量 | 設備名称 | | | |
|--------------|---------|---------|-----------------------|-----------------|---------|--------|-------|
| スリーブ | | C1720B | 1 | トルク用ユニバーサルジョイント | | | |
| 熱処理 | 表面処理 | 検図 | 設計 | 製図 | 日付 | 共通部品番号 | |
| 焼入 焼戻 HRC | | | 高島 | 高島 | 99.5.27 | | |
| 尺 度 | 高 三 角 法 | 図 面 番 号 | KA17-005M-00-1-015-BA | | | | 訂正Rev |
| ~ | | | | | | | |

マブチモーター株式会社

SNO: **S310903**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI | THỜI GIAN CHUẨN 1P |
|--|-----------------------------|
| 1.VẬT LIỆU: C1720 Ø6*13 | LN:12 KA:1 GS:4 KT |